

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
THÀNH PHỐ H

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 25/2022/HS-ST
Ngày 27-12-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Hưng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Vũ Thị Bắc

Bà Vũ Thị Lại

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Quang Bảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, thành phố H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, thành phố H tham gia phiên tòa: Ông Vũ Huy Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 27/2022/TLST-HS ngày 02 tháng 12 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2022/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 12 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thị Đ, sinh ngày 18/12/1963 tại H. Nơi cư trú: Thôn B, xã P, huyện C, thành phố H; trình độ văn hóa: Lớp 9/10; nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đình S và bà Đặng Thị T (đều đã chết); có chồng là Nguyễn Đình T1 và có 03 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 28/9/2022 đến ngày 04/10/2022 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

2. Nguyễn Đình K, sinh ngày 18/6/1966 tại H. Nơi cư trú: Thôn B, xã P, huyện C, thành phố H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 6/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đình C và bà Nguyễn Thị L (đều đã chết); có vợ là Lê Thị H và có 03 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 28/9/2022 đến ngày 04/10/2022 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

3. Nguyễn Đình T, sinh ngày 01/01/1975 tại H. Nơi cư trú: Thôn B, xã P, huyện C, thành phố H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đình G và bà Nguyễn Thị M; có vợ là Nguyễn Thị H (đã ly hôn) và có 03 con; tiền án, tiền sự, nhân thân: Bản án số 26/2012/HSST ngày 06/11/2012, Tòa án

nhân dân huyện C xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Đánh bạc, số tiền đánh bạc dưới 5.000.000 đồng (đã được xóa án tích); bị tạm giữ từ ngày 28/9/2022 đến ngày 04/10/2022 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

4. Đặng Văn T, sinh ngày 01/01/1971 tại H. Nơi cư trú: Thôn B, xã P, huyện C, thành phố H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Đình K và bà Nguyễn Thị L (đều đã chết); có vợ là Đỗ Thị N và có 03 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 28/9/2022 đến ngày 04/10/2022 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

5. Nguyễn Đình K, sinh ngày 06/10/1973 tại H. Nơi cư trú: Thôn B, xã P, huyện C, thành phố H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 6/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đình G và bà Nguyễn Thị M; có vợ là Nguyễn Thị V và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 28/9/2022 đến ngày 04/10/2022 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

6. Lê Văn L, sinh ngày 07/5/1984 tại Q. Nơi cư trú: Thôn H, xã L, thị xã Q, tỉnh Q; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn O và bà Phạm Thị L; có vợ là Nguyễn Thị Vượt và có 03 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 28/9/2022 đến ngày 04/10/2022 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

7. Nguyễn Đình O, sinh ngày 01/01/1972 tại H. Nơi cư trú: Thôn B, xã P, huyện C, thành phố H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; bố đẻ: Không xác định, con bà Nguyễn Thị S (đã chết); có vợ là Trần Thị H và có 03 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 28/9/2022 đến ngày 04/10/2022 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

8. Nguyễn Thị L, sinh ngày 10/6/1974 tại H. Nơi cư trú: Thôn B, xã P, huyện C, thành phố H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đình T và bà Nguyễn Thị D; có chồng là Đinh Văn T (đã ly hôn) và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 28/9/2022 đến ngày 04/10/2022 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

9. Bùi Đình Đ, sinh ngày 01/01/1972 tại H. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 7/11 Miếu Hai Xã, phường D, quận L, thành phố H; chỗ ở: Thôn B, xã P, huyện C, thành phố H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Đình U và bà Nguyễn Thị N1 (đều đã chết); có vợ là Tô Thị T và có 03 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 28/9/2022 đến ngày 04/10/2022 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

10. Lê Văn M, sinh ngày 25/7/1987 tại Q. Nơi cư trú: Thôn H, xã L, thị xã Q, tỉnh Q; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn O và bà Phạm Thị L; có vợ là Vũ Thị H và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 28/9/2022 đến ngày 04/10/2022 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

11. Nguyễn Thị T, sinh ngày 20/01/1979 tại H. Nơi cư trú: Thôn B, xã P, huyện C, thành phố H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đình K (đã chết) và bà Bùi Thị M; có chồng là Vũ Văn T và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 28/9/2022 đến ngày 04/10/2022 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Bà Bùi Thị H; có mặt.
2. Bà Nguyễn Thị N2; có mặt.
3. Bà Nguyễn Thị H; có mặt.
4. Bà Bùi Thị H; có mặt.
5. Chị Nguyễn Mai H; vắng mặt.
6. Ông Nguyễn Đình K; có mặt.
7. Anh Đỗ Văn N; vắng mặt.
8. Bà Tô Thị T; vắng mặt.
9. Bà Lương Thị T; có mặt.

- *Người chứng kiến:* Ông Nguyễn Đình D; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 22 giờ ngày 27/9/2022, tại nhà của Nguyễn Thị Đ ở thôn B, xã P, huyện C, H, Công an huyện C bắt quả tang 19 người đang đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức đánh liêng, đánh chắn và đánh lốc, thu giữ tại 04 chiếu bạc tổng số tiền 21.215.000 đồng. Cụ thể chiếu bạc thứ nhất gồm: Nguyễn Đình K, Nguyễn Đình T, Đặng Văn T, Nguyễn Đình K, Lê Văn L, Nguyễn Đình O đánh bạc bằng hình thức đánh liêng, thu giữ tại chiếu bạc số tiền 10.200.000 đồng và 01 bộ tú lơ khơ. Chiếu bạc thứ hai gồm: Nguyễn Thị L, Bùi Đình Đ, Lê Văn M, Nguyễn Thị T đánh bạc bằng hình thức đánh chắn, thu giữ tại chiếu bạc số tiền 7.890.000 đồng, 01 bộ bài chắn, 01 đĩa sừ. Chiếu bạc thứ ba gồm: Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Mai H, Tô Thị T, Nguyễn Đình K, Đỗ Văn N đánh bạc bằng hình thức đánh lốc, thu giữ tại chiếu bạc số tiền 1.705.000 đồng và 01 bộ bài tú lơ khơ. Chiếu bạc thứ tư gồm: Bùi Thị H, Bùi Thị H, Nguyễn Thị N2, Nguyễn Thị H đánh bạc bằng hình thức

đánh chắn, Lương Thị T là người chia bài, thu giữ tại chiếu bạc số tiền 1.420.000 đồng, 02 bộ bài chắn, 02 đĩa sừ.

Tại cơ quan điều tra Nguyễn Thị Đ và các bị cáo khai nhận: Khoảng ngày 24/9/2022, Nguyễn Thị Đ có mua một số bộ bài về để sẵn ở nhà mục đích đến ngày 27/9/2022 gia đình nhà Nguyễn Thị Đ tổ chức liên hoan mừng nhà mới, nếu anh em, bạn bè đến dự, ai có nhu cầu đánh bài thì sẽ sử dụng. Khoảng 21 giờ ngày 27/9/2022, sau khi liên hoan xong Nguyễn Đình T1 (chồng của Động) say rượu nên đi ngủ trước, một số người khách rủ nhau đánh bạc ăn tiền dưới hình thức đánh liêng, chắn và đánh lốc, cụ thể:

Tại khu vực phòng khách, Nguyễn Đình K lấy 01 bộ bài tú lơ khơ có sẵn tại nhà Động và rủ Nguyễn Đình T, Đặng Văn T, Nguyễn Đình K, Lê Văn L, Nguyễn Đình O đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức đánh liêng, tất cả đều đồng ý và quy định mức đặt cược nhỏ nhất là 20.000 đồng, lớn nhất là 200.000 đồng. Khi đánh bạc Kỳ sử dụng số tiền 2.000.000 đồng, Tuấn sử dụng số tiền 500.000 đồng, Thắng sử dụng số tiền 1.300.000 đồng, Khường sử dụng số tiền 2.700.000 đồng, Long sử dụng số tiền 2.500.000 đồng và Oách sử dụng số tiền 1.200.000 đồng.

Tại khu vực phòng ngủ, Nguyễn Thị L lấy 01 bộ bài chắn có sẵn trong nhà rủ Bùi Đình Đ, Lê Văn M, Nguyễn Thị T đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức đánh chắn, tất cả đều đồng ý và quy định mức thắng thua là “U xuống 10.000 đồng”, “Dịch 10.000 đồng”. Khi đánh bạc Lành sử dụng số tiền 4.050.000 đồng, Đô sử dụng số tiền 2.800.000 đồng, Mão sử dụng số tiền 520.000 đồng và Thương sử dụng số tiền 520.000 đồng.

Tại khu vực trước cửa nhà, Nguyễn Thị Đ lấy 01 bộ bài tú lơ khơ có sẵn trong nhà rủ Nguyễn Mai H, Nguyễn Đình K, Đỗ Văn N, Tô Thị T đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức đánh lốc, tất cả đều đồng ý. Khi đánh bạc Huyền sử dụng số tiền 120.000 đồng, Khải sử dụng số tiền 180.000 đồng, Nhữn sử dụng số tiền 500.000 đồng, Thoan sử dụng số tiền 305.000 đồng và Động sử dụng số tiền 600.000 đồng.

Tại khu vực nhà bếp Bùi Thị H sử dụng 02 bộ bài chắn có sẵn rủ Nguyễn Thị N2, Nguyễn Thị H, Bùi Thị H đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức đánh chắn, tất cả đều đồng ý. Huyền nhờ Lương Thị T chia bài, trả công 40.000 đồng một giờ để 04 đối tượng đánh bạc. Khi đánh bạc Huyền sử dụng số tiền 300.000 đồng, Ngát sử dụng số tiền 200.000 đồng, Hái sử dụng số tiền 420.000 đồng và Huyền sử dụng số tiền 500.000 đồng.

Quá trình đánh bạc, Động không thu tiền hồ của những người tham gia đánh bạc. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, khi mọi người đang đánh bạc thì bị Công an huyện C bắt quả tang, thu giữ số tiền, tang vật tại các chiếu bạc như đã nêu trên.

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung vụ án đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Áp dụng điểm b, c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Nguyễn Thị Đ từ 18 tháng đến 24 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo về tội “Tổ chức đánh bạc”, thời gian thử thách từ 36 tháng đến 48 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Nguyễn Đình T từ 15 tháng đến 21 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”, thời gian thử thách từ 30 tháng đến 42 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

3. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 36; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- Nguyễn Đình K 12 tháng đến 18 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”, trừ cho bị cáo 18 ngày cải tạo không giam giữ. Khấu trừ 5% đến 10% thu nhập hàng tháng của bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Nguyễn Thị L 12 tháng đến 18 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”, trừ cho bị cáo 18 ngày cải tạo không giam giữ. Khấu trừ 5% đến 10% thu nhập hàng tháng của bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ để sung vào ngân sách Nhà nước.

4. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 (áp dụng đối với bị cáo Khường, bị cáo Đô) Điều 51; Điều 17; Điều 36; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- Đặng Văn T09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”, trừ cho bị cáo 18 ngày cải tạo không giam giữ. Khấu trừ 5% đến 10% thu nhập hàng tháng của bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Nguyễn Đình K 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”, trừ cho bị cáo 18 ngày cải tạo không giam giữ. Khấu trừ 5% đến 10% thu nhập hàng tháng của bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Lê Văn L 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”, trừ cho bị cáo 18 ngày cải tạo không giam giữ. Khấu trừ 5% đến 10% thu nhập hàng tháng của bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Nguyễn Đình O 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”, trừ cho bị cáo 18 ngày cải tạo không giam giữ. Khấu trừ 5% đến 10% thu nhập hàng tháng của bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Bùi Đình Đ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”, trừ cho bị cáo 18 ngày cải tạo không giam giữ. Khấu trừ 5% đến 10% thu nhập hàng tháng của bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ để sung vào

ngân sách Nhà nước.

- Lê Văn M 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”, trừ cho bị cáo 18 ngày cải tạo không giam giữ. Khấu trừ 5% đến 10% thu nhập hàng tháng của bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Nguyễn Thị T 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”, trừ cho bị cáo 18 ngày cải tạo không giam giữ. Khấu trừ 5% đến 10% thu nhập hàng tháng của bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ để sung vào ngân sách Nhà nước.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo do các bị cáo đều là lao động phổ thông, thu nhập không ổn định, hoàn cảnh gia đình khó khăn.

Đề nghị hủy bỏ biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát luận tội, các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì. Các bị cáo đều thừa nhận hành vi của mình là vi phạm pháp luật, rất hối hận và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, cho các bị cáo được cải tạo ngoài xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện C, thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, thành phố H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

[2] Về tội danh:

[2.1] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với nhau, phù hợp với nội dung bản cáo trạng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, vật chứng thu giữ nên đủ cơ sở xác định: Hồi 22 giờ ngày 27/9/2022, bị cáo Nguyễn Thị Đ đã có hành vi chuẩn bị dụng cụ chơi bài, sử dụng địa điểm là nhà thuộc quyền sở hữu của mình ở thôn B, xã P, huyện C, H cho các bị cáo Nguyễn Đình K, Nguyễn Đình T, Đặng Văn T, Nguyễn Đình K, Lê Văn L, Nguyễn Đình O đánh bạc bằng hình thức đánh liêng,

với số tiền 10.200.000 đồng; các bị cáo Nguyễn Thị L, Bùi Đình Đ, Lê Văn M, Nguyễn Thị T đánh bạc bằng hình thức đánh chắn, với số tiền 7.890.000 đồng; ngoài ra còn một số người khác tham gia đánh bạc dưới hình thức đánh lốc, đánh chắn. Tổng số tiền dùng để đánh bạc là 21.215.000 đồng, theo quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự quy định: “1. Người nào tổ chức đánh bạc thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

b) Sử dụng địa điểm thuộc quyền sở hữu hoặc quản lý của mình để cho 10 người đánh bạc trở lên trong cùng một lúc mà tổng số tiền, hiện vật dùng đánh bạc trị giá 5.000.000 đồng trở lên hoặc cho 02 chiếu bạc trở lên trong cùng một lúc mà tổng số tiền, hiện vật dùng đánh bạc trị giá 5.000.000 đồng trở lên;

c) Tổng số tiền, hiện vật dùng đánh bạc trong cùng 01 lần trị giá 20.000.000 đồng trở lên;”

Như vậy, hành vi của bị cáo Nguyễn Thị Đ tổ chức cho 10 người đánh bạc trở lên, với số tiền trên 20 triệu đồng nêu trên của bị cáo đã phạm tội "Tổ chức đánh bạc", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự.

[2.2] Hành vi của các bị cáo Nguyễn Đình K, Nguyễn Đình T, Đặng Văn T, Nguyễn Đình K, Lê Văn L, Nguyễn Đình O đánh bạc bằng hình thức đánh liêng với số tiền 10.200.000 đồng và Nguyễn Thị L, Bùi Đình Đ, Lê Văn M, Nguyễn Thị T đánh bạc bằng hình thức đánh chắn với số tiền 7.890.000 đồng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự quy định: “1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.”

Như vậy, hành vi dùng tiền đánh liêng, đánh chắn được thua bằng tiền đều với số tiền trên 5.000.000 đồng nêu trên của các bị cáo đã đồng phạm tội "Đánh bạc", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Do đó, Viện Kiểm sát nhân dân huyện C, thành phố H truy tố bị cáo Nguyễn Thị Đ; các bị cáo Nguyễn Đình K, Nguyễn Đình T, Đặng Văn T, Nguyễn Đình K, Lê Văn L, Nguyễn Đình O, Nguyễn Thị L, Bùi Đình Đ, Lê Văn M, Nguyễn Thị T về tội danh, điều luật áp dụng trên là có cơ sở và đúng với quy định của pháp luật.

[3] Hành vi Tổ chức đánh bạc (bị cáo Đ) và Đánh bạc của các bị cáo khác là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng, gây mất trật tự trị an xã hội. Do vậy, cần áp dụng hình phạt nghiêm đủ tác dụng để răn đe, giáo dục, cải tạo các bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Xét vai trò của các bị cáo:

- Với hành vi tổ chức đánh bạc của bị cáo Nguyễn Thị Đ: Bị cáo thực hiện hành vi một mình, chuẩn bị dụng cụ, sử dụng địa điểm cho những người thân quen nhân dịp đến mừng gia đình bị cáo về nhà mới nếu có nhu cầu thì rủ nhau đánh bạc, tuy nhiên bản thân bị cáo không rủ rê, không thu lợi gì từ những người tham gia đánh bạc.

- Với hành vi đánh bạc: Đây là hành vi có đồng phạm, mặc dù là đồng phạm giản đơn nhưng Hội đồng xét xử vẫn phân tích vai trò của từng bị cáo trong vụ án để từ đó làm căn cứ quyết định hình phạt:

Các bị cáo Nguyễn Đình K, Nguyễn Đình T, Đặng Văn T, Nguyễn Đình K, Lê Văn L, Nguyễn Đình O, Nguyễn Thị L, Bùi Đình Đ, Lê Văn M, Nguyễn Thị T có ý cùng thực hiện hành vi phạm tội nên là đồng phạm theo quy định tại Điều 17 Bộ luật Hình sự nhưng là đồng phạm giản đơn, không có sự câu kết, phân công, phân nhiệm cụ thể. Tuy nhiên, đối với bị cáo Nguyễn Đình K đã chủ động lấy bài tú lơ khơ và rủ Nguyễn Đình T, Đặng Văn T, Nguyễn Đình K, Lê Văn L, Nguyễn Đình O đánh bạc trái phép dưới hình thức đánh liêng; bị cáo Nguyễn Thị L chủ động lấy 01 bộ bài chắn rủ Bùi Đình Đ, Lê Văn M, Nguyễn Thị T đánh bạc trái phép dưới hình thức đánh chắn nên bị cáo Nguyễn Đình K, Nguyễn Thị L phải chịu mức án cao hơn các bị cáo còn lại.

[5] Về nhân thân: Bị cáo Nguyễn Đình T, nhân thân đã có 01 tiền án: Bản án số 26/2012/HSST ngày 06/11/2012 của Tòa án nhân dân huyện C xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Đánh bạc (số tiền dưới 5.000.000 đồng) theo hướng dẫn của Nghị quyết 01/2016 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì đương nhiên được xóa án tích.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Đối với bị cáo Nguyễn Thị Đ: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đều thành khẩn khai báo, bị cáo được Chủ tịch UBND xã P, huyện C tặng Giấy khen vì có thành tích trong công tác Hội và Phong trào vận động phụ nữ xã P giai đoạn 2016-2021 đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Đối với bị cáo Nguyễn Đình K, Đặng Văn T, Nguyễn Đình K, Lê Văn L, Nguyễn Đình O, Nguyễn Thị L, Bùi Đình Đ, Lê Văn M, Nguyễn Thị T: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Nguyễn Đình K có mẹ đẻ được tặng thưởng huân chương kháng chiến, bị cáo Bùi Đình Đ từng tham gia bộ đội chiến đấu ở chiến trường Campuchia, Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- Bị cáo Nguyễn Đình T: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo từng tham gia bộ đội, có mẹ đẻ được tặng thưởng huân chương kháng chiến đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[8] Về quyết định mức hình phạt:

Với nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hành vi phạm tội của các bị cáo; xét các bị cáo đều có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo ngoài xã hội, vì vậy cần xem xét áp dụng Điều 65, Điều 36 Bộ luật Hình sự cho bị cáo Động, Tuấn được hưởng án treo; các bị cáo còn lại được hưởng án cải tạo không giam giữ ngoài xã hội dưới sự theo dõi, giám sát, giáo dục của gia đình, chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú là phù hợp với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, cũng đảm bảo yêu cầu đấu tranh phòng ngừa tội phạm và giáo dục đối với các bị cáo. Tuy nhiên, mức án áp dụng đối với bị cáo Đ phải cao hơn đối với bị cáo T. Mức án áp dụng đối với bị cáo K, L phải cao hơn các bị cáo còn lại. Đối với các bị cáo được hưởng án cải tạo không giam giữ cần trừ cho các bị cáo số ngày bị tạm giữ theo nguyên tắc một ngày tạm giữ bằng ba ngày cải tạo không giam giữ. Các bị cáo là lao động tự do và khai nhận thu nhập hàng tháng khoảng 3.000.000 (*ba triệu*) đồng nên khi hưởng án cải tạo không giam giữ cần khấu trừ 5% (bằng 150.000 đồng) thu nhập hàng tháng trong thời gian cải tạo không giam giữ để sung ngân sách Nhà nước là phù hợp. Đối với biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đã áp dụng đối với các bị cáo cần hủy bỏ theo quy định pháp luật tố tụng hình sự.

[9] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 Điều 321, Điều 322 các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy các bị cáo đều là lao động phổ thông, thu nhập không ổn định, hoàn cảnh gia đình khó khăn. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Về xử lý vật chứng:

[10] Đối với 02 (hai) bộ bài tú lơ khơ; 03 (ba) bộ bài chắn; 03 (ba) đĩa sứ đã qua sử dụng là công cụ để thực hiện hành vi phạm tội không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

[11] Đối với số tiền 21.215.000 (*Hai mươi một triệu, hai trăm mười lăm nghìn*) đồng là tiền liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo và những người khác dùng để đánh bạc trái phép cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

[12] Đối với Nguyễn Thị Đ, Tô Thị T, Nguyễn Đình K, Đỗ Văn N, Nguyễn Mai H, Bùi Thị H, Bùi Thị H, Nguyễn Thị N2, Nguyễn Thị H có hành vi đánh bạc trái phép, Lương Thị T có hành vi chia bài giúp sức cho việc đánh bạc, tuy nhiên số tiền đánh bạc là dưới 5.000.000 đồng, nhân thân đều chưa có tiền án, tiền sự về

hành vi đánh bạc, tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc, Công an huyện C, thành phố H đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[13] Đối với ông Nguyễn Đình T1 là chủ nhà (chồng của bị cáo Nguyễn Thị Đ) không biết việc các đối tượng sử dụng nhà mình để đánh bạc và không tham gia đánh bạc vào ngày 27/9/2022, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C không xử lý.

[14] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[15] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b, c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Nguyễn Thị Đ 21 (*hai mươi một*) tháng tù cho hưởng án treo về tội “Tổ chức đánh bạc”, thời gian thử thách là 42 (*bốn mươi hai*) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Nguyễn Đình T 15 (*mười lăm*) tháng tù cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”, thời gian thử thách là 30 (*ba mươi*) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Đình T cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, thành phố H nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 (áp dụng đối với bị cáo Khường, bị cáo Đô) Điều 51; Điều 17; Điều 36; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt:

+ Nguyễn Đình K 12 (*mười hai*) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”, trừ cho bị cáo 18 ngày cải tạo không giam giữ (tạm giữ từ ngày 28/9/2022 đến ngày 04/10/2022), bị cáo còn phải chấp hành 11 (*mười một*) tháng 12 (*mười hai*) ngày cải tạo không giam giữ. Khấu trừ 150.000 (*một trăm năm mươi nghìn*) đồng thu nhập hàng tháng của bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ để sung vào ngân sách Nhà nước.

+ Đặng Văn T 09 (*chín*) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”, trừ cho bị cáo 18 ngày cải tạo không giam giữ (tạm giữ từ ngày 28/9/2022 đến ngày 04/10/2022), bị cáo còn phải chấp hành 08 (*tám*) tháng 12 (*mười hai*) ngày cải tạo không giam giữ. Khấu trừ 150.000 (*một trăm năm mươi nghìn*) đồng thu nhập hàng tháng của bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ để sung vào ngân sách Nhà nước.

+ Nguyễn Đình K 09 (*chín*) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”, trừ cho bị cáo 18 ngày cải tạo không giam giữ (tạm giữ từ ngày 28/9/2022 đến ngày 04/10/2022), bị cáo còn phải chấp hành 08 (*tám*) tháng 12 (*mười hai*) ngày cải tạo không giam giữ. Khấu trừ 150.000 (*một trăm năm mươi nghìn*) đồng thu nhập hàng tháng của bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ để sung vào ngân sách Nhà nước.

+ Lê Văn L 09 (*chín*) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”, trừ cho bị cáo 18 ngày cải tạo không giam giữ (tạm giữ từ ngày 28/9/2022 đến ngày 04/10/2022), bị cáo còn phải chấp hành 08 (*tám*) tháng 12 (*mười hai*) ngày cải tạo không giam giữ. Khấu trừ 150.000 (*một trăm năm mươi nghìn*) đồng thu nhập hàng tháng của bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ để sung vào ngân sách Nhà nước.

+ Nguyễn Đình O 09 (*chín*) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”, trừ cho bị cáo 18 ngày cải tạo không giam giữ (tạm giữ từ ngày 28/9/2022 đến ngày 04/10/2022), bị cáo còn phải chấp hành 08 (*tám*) tháng 12 (*mười hai*) ngày cải tạo không giam giữ. Khấu trừ 150.000 (*một trăm năm mươi nghìn*) đồng thu nhập hàng tháng của bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ để sung vào ngân sách Nhà nước.

+ Nguyễn Thị L 12 (*mười hai*) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”, trừ cho bị cáo 18 ngày cải tạo không giam giữ (tạm giữ từ ngày 28/9/2022 đến ngày 04/10/2022), bị cáo còn phải chấp hành 11 (*mười một*) tháng 12 (*mười hai*) ngày cải tạo không giam giữ. Khấu trừ 150.000 (*một trăm năm mươi nghìn*) đồng thu nhập hàng tháng của bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ để sung vào ngân sách Nhà nước.

+ Bùi Đình Đ 09 (*chín*) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”, trừ cho bị cáo 18 ngày cải tạo không giam giữ (tạm giữ từ ngày 28/9/2022 đến ngày 04/10/2022), bị cáo còn phải chấp hành 08 (*tám*) tháng 12 (*mười hai*) ngày cải tạo không giam giữ. Khấu trừ 150.000 (*một trăm năm mươi nghìn*) đồng thu nhập hàng tháng của bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ để sung vào ngân sách Nhà nước.

+ Lê Văn M 09 (*chín*) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”, trừ cho bị cáo 18 ngày cải tạo không giam giữ (tạm giữ từ ngày 28/9/2022 đến ngày 04/10/2022), bị cáo còn phải chấp hành 08 (*tám*) tháng 12 (*mười hai*) ngày cải tạo không giam giữ. Khấu trừ 150.000 (*một trăm năm mươi nghìn*) đồng thu nhập hàng tháng của bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ để sung vào ngân sách Nhà nước.

+ Nguyễn Thị T 09 (*chín*) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”, trừ cho bị cáo 18 ngày cải tạo không giam giữ (tạm giữ từ ngày 28/9/2022 đến ngày 04/10/2022), bị cáo còn phải chấp hành 08 (*tám*) tháng 12 (*mười hai*) ngày cải tạo không giam giữ. Khấu trừ 150.000 (*một trăm năm mươi nghìn*) đồng thu nhập hàng tháng của bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ để sung vào ngân sách nhà nước.

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao các bị cáo Nguyễn Đình K, Đặng Văn T, Nguyễn Đình K, Nguyễn Đình O, Nguyễn Thị L, Bùi Đình Đ, Nguyễn Thị T cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, thành phố H nơi các bị cáo cư trú; giao bị cáo Lê Văn L, Lê Văn M cho Ủy ban nhân dân xã L, thị xã Q, tỉnh Q nơi các bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND cấp xã trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Căn cứ Điều 125 Bộ luật Tố tụng hình sự: Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với các bị cáo Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Đình T, Nguyễn Đình K, Đặng Văn T, Nguyễn Đình K, Nguyễn Đình O, Nguyễn Thị L, Bùi Đình Đ, Nguyễn Thị T, Lê Văn L, Lê Văn M.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự, khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ Tịch thu tiêu hủy: 03 bộ bài chắn (100 cây) đã qua sử dụng; 02 bộ bài tú lơ khơ (52 cây) đã qua sử dụng; 03 đĩa sứ màu trắng đã qua sử dụng.

+ Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước số tiền 21.215.000 (*Hai mươi một triệu, hai trăm mười lăm nghìn*) đồng.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 01/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, thành phố H và Ủy nhiệm chi số 67 ngày 20/12/2022 của Kho bạc Nhà nước huyện C, thành phố H).

- Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án. Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (*hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự,

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- TAND TP H;
- VKSND TP H;
- Sở Tư pháp TP H;
- Công an TP H (PV 06, PC10);
- VKSND huyện C;
- Công an huyện C;
- Cơ quan THAHS Công an huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã P, huyện C;
- UBND xã L, thị xã Q, tỉnh Q;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Hưng